Sở Y tế, Tỉnh Bắc Kạn
ttksbt@backan.gov.vn
Giờ ký: 2019.05.21 14:00:15 +07:00

SỞ Y TẾ BẮC KẠN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 299 /TB - KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 21 *tháng* 05 *năm 2019*

THÔNG BÁO
V/v tư vấn, lấy mẫu kiểm nghiệm chất lượng nguồn nước ăn uống, nước sinh hoạt theo quy chuẩn của Bộ Y tế

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT - BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01:2009/BYT); Thông tư số 05/2009/TT - BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT);

Căn cứ vào việc đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025 tại quyết định số 1566/QĐ-TTg, ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 758/QĐ-SYT, ngày 27/9/2017 của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn và nguồn lực của đơn vị. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Bắc Kạn trân trọng thông báo đến các cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp, hộ gia đình về việc tư vấn, lấy mẫu kiểm nghiệm chất lượng nguồn nước dùng để ăn uống, sinh hoạt. Cụ thể như sau:

I. VỀ NĂNG LỰC

Hiện nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đã và đang tổ chức triển khai hoạt động tư vấn, lấy mẫu, kiểm nghiệm chất lượng nguồn nước ăn uống, nước sinh hoạt xét nghiệm của Trung tâm đã đượcchứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, đảm bảo đủ điều kiện và năng lực để kiểm nghiệm chất lượng nguồn nước ăn uống, sinh hoạt cho khách hàng (trong và ngoài tỉnh)

II. DANH MUC, ĐƠN GIÁ KIỂM NGHIỆM

Theo qui định tại thông tư số 240/TT – BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính *(phụ lục 01, 02, 03 đính kèm).*

III. QUI TRÌNH LẤY –BẢO QUẢN – VẬN CHUYỂN MẪU

3.1. Trung tâm sẽ cử viên chức đến nơi để lấy mẫu nếu Cơ quan, Doanh nghiệp, đơn vị, trường học, các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu và Áp dụng với khách hàng có ký hợp đồng với Trung tâm kiểm soát bệnh tật.

3.2. Do khách hàng tự lấy mẫu và vận chuyển mẫu nước đến Trung tâm kiểm soát bệnh tật theo hướng dẫn *(tại phụ lục 04 kèm theo).*

3.3. Gửi qua bưu điện: Theo Địa chỉ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn; số 96, tổ 10, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn *(Cạnh Bệnh viện đa khoa cũ).*

IV. ĐỊA CHỈ TƯ VẤN, KIỂM NGHIỆM

Bộ phận một cửa, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: số 96, tổ 10, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn

Điện thoại 0209 3 812 907

- BS Lục văn Trường – Phó giám đốc- Trưởng bộ phận DĐ **0943 928 686**

- Cử nhân Vi Thị Chuyên - Trưởng Khoa Xét nghiệm - DĐ: **0986 470 826**.

- Nhân viên bộ phận một cửa, KTV Nguyễn Thị Thu Hiền DĐ: **0915204312**

Hộp thư**: ttksbt.sytbackan.gov.vn**

Trang thông tin điện tử: ***CDC.backan.gov.vn***

Lưu ý: *Tùy theo nguồn nước cụ thể, bộ phận một cửa của Trung tâm sẽ tư vấn những chỉ tiêu cụ thể để kiểm nghiệm*

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kan trân trọng thông báo đến quí các cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh biết phối hợp thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Các cơ quan, đơn vị, Doanh nghiệp, Trường học (T/b);
- BGĐ TT;
- Trung tâm y tế các huyện/TP (p/h);
- Trang TTĐT;
- Các khoa/phòng TT CDC;
- Lưu VT,

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Tôn

Phụ lục 01
Yêu cầu chỉ tiêu kiểm nghiệm chất lượng nguồn nước ăn uống, nước sinh hoạt của Hộ gia đình
(Kèm theo công văn số /TB-KSBT ngày /5/2019)

TT	Các chỉ tiêu kiểm nghiệm*	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số mẫu	Thành tiền
1	Màu sắc	Mẫu	70.000	01	70.000
2	pH	Mẫu	56.000	01	56.000
3	Mùi vị	Mẫu	14.000	01	14.000
4	Độ đục	Mẫu	70.000	01	70.000
5	Hàm lượng Amoni	Mẫu	98.000	01	98.000
6	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	Mẫu	80.000	01	80.000
7	Hàm lượng clorua	Mẫu	70.000	01	70.000
8	Hàm lượng sắt tổng số	Mẫu	130.000	01	130.000
9	Chỉ số Pemanganat	Mẫu	84.000	01	84.000
10	Hàm lượng Asen tổng số	Mẫu	150.000	01	150.000
11	Coliform tổng số	Mẫu	112.000	01	112.000
12	Coliform chịu nhiệt	Mẫu	112.000	01	112.000
Cộng			**1.246.000**		**1.246.000**
Bằng chữ: Một triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng./.					

***Ghi chú:** Tùy theo từng trường hợp cụ thể, khách hàng sẽ được tư vấn làm một số chỉ tiêu cần thiết để kiểm tra, không nhất thiết phải làm hết tất cả các chỉ tiêu trên*

Phụ lục 02
Yêu cầu chỉ tiêu kiểm nghiệm chất lượng nguồn nước ăn uống, nước sinh hoạt của cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm
(Kèm theo công văn số /TB-KSBT, ngày /5/2019)

TT	Các chỉ tiêu kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Số mẫu	Thành tiền
1	Màu sắc	Mẫu	70.000	01	70.000
2	pH	Mẫu	56.000	01	56.000
3	Mùi vị	Mẫu	14.000	01	14.000
4	Độ đục	Mẫu	70.000	01	70.000
5	Hàm lượng Sunphat	Mẫu	90.000	01	90.000
6	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	Mẫu	80.000	01	80.000
7	Hàm lượng clorua	Mẫu	70.000	01	70.000
8	Hàm lượng sắt tổng số	Mẫu	130.000	01	130.000
9	Chỉ số Pemanganat	Mẫu	84.000	01	84.000
10	Hoàm lượng Magan	Mẫu	130.000	01	130.00
11	Hàm lượng Nitrit	Mẫu	100.000	01	100.000
12	Hàm lượng Nitrat	Mẫu	140.000	01	140.000
13	Coliform tổng số	Mẫu	112.000	01	112.000
14	Coliform chịu nhiệt	Mẫu	112.000	01	112.000
	Tổng				**1.258.000**
Bằng chữ: Một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng./.					

Phụ lục 03

Yêu cầu chỉ tiêu kiểm nghiệm chất nước uống đóng chai, đóng bình, nước uống trực tiếp qua hệ thống máy lọc

(Kèm theo công văn số /TB-KSBT, ngày /5/2019)

TT	Các chỉ tiêu kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số mẫu	Đơn giá VNĐ	Thành tiền
1	Hàm lượng Asen	Mẫu	01	150.000	150.000
2	Hàm lượng Đồng	Mẫu	01	130.000	130.000
3	Hàm lượng Nitrat(*)	Mẫu	01	140.000	140.000
4	Hàm lượng Nitrit(*)	Mẫu	01	100.000	100.000
5	Hàm lượng Bor	Mẫu	01	130.000	130.000
6	Hàm lượng Fluorid	Mẫu	01	200.000	200.000
7	Hàm lượng Chì	Mẫu	01	130.000	130.000
8	Hàm lượng Mangan	Mẫu	01	130.000	130.000
9	Hàm lượng Thủy ngân	Mẫu	01	180.000	180.000
10	Hàm lượng Bari	Mẫu	01	130.000	130.000
11	Hàm lượng Cadimi	Mẫu	01	130.000	130.000
12	Hàm lượng Clor	Mẫu	01	70.000	70.000
13	Hàm lượng Crom	Mẫu	01	130.000	130.000
14	Hàm lượng Molybden	Mẫu	01	130.000	130.000
15	Hàm lượng Niken	Mẫu	01	130.000	130.000
16	Hàm lượng Clorat	Mẫu	01	280.000	280.000
17	Hàm lượng Clorit	Mẫu	01	280.000	280.000
18	Hàm lượng Cyanid	Mẫu	01	130.000	130.000
19	Hàm lượng Silen	Mẫu	01	130.000	130.000
20	*Coliform* tổng số	Mẫu	01	182.000	182.000
21	*E.coli*	Mẫu	01	182.000	182.000
22	*Streptococci feacal*	Mẫu	01	136.000	136.000
23	*P.seudomonas*	Mẫu	01	182.000	182.000
24	*Bào tử vi khuẩn kị khí*	Mẫu	01	182.000	182.000
Cộng				**3.694.000**	**3.694.000**
Bằng chữ: Ba triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng./.					

Phụ lục 4.
Hướng dẫn lấy mẫu và vận chuyển mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt
(Kèm theo công văn số /TB-KSBT ngày / /2019)

1. Lấy mẫu

2.1. Dụng cụ lấy mẫu

- Chai thủy tinh sạch hoặc chai nhựa cứng, dung tích 250,500,1000ml.

- Thiết bị lấy mẫu có dây hạ xuống nước khi cần thiết.

- Tất cả chai lọ dùng để lấy và giữ mẫu cần rửa sạch bằng nước xà phòng, Sau đó tráng rửa bằng nước sạch.

- Trước khi lấy mẫu cần tráng bằng chính mẫu nước ít nhất 1 lần.

- Đối với mẫu vi sinh, dụng cụ lấy mẫu là chai thủy tinh, được bọc trong giấy bản đã sấy tiệt trùng

2.2. Cách lấy mẫu

2.2.2. Lấy mẫu nước ao hồ, sông, suối

- Cần lấy mẫu ở cửa ra, nơi lấy nước để sử dụng, hoặc ở cửa của nguồn nước chính.

- Kỹ thuật lấy mẫu:

+ Với mẫu để phân tích hóa lý: Trước khi lấy cần dùng nước mẫu tráng rửabình ít nhất 2 lần. Lấy đầy bình trước khi đậy nắp để lại một lỗ không khí nhỏ.

+ Với mẫu để phân tích vi sinh: Đậy nắp kĩ trước khi lấy mẫu, động tác lấy mẫu là nắm lấy phần đáy bình rồi cầm cổ bình thẳng vào dòng nước sâu khoảng 0,3m dưới bề mặt, sau đó xoay bình để cổ bình hơi ngược lên và miệng bình hướng vào dòng chảy. Lấy mẫu không đầy bình, cần để một khoảng không khí trên bề mặt mẫu để khi phân tích dễ dàng lắc mẫu.

2.2.4. Lấy mẫu nước uống, nước sinh hoạt và nước dùng để chế biến thực phẩm

- Lấy mẫu ở bể chứa hoặc tại vòi nước: Lấy ở đường ống gần bể nhất. Để nước chảy tự do 2-3 phút để xả hết các chất đọng lại trong ống rồi sau đó mới lấy vào bình. Nếu không có đường ống dẫn ra, múc trực tiếp từ bể.

- Lấy mẫu từ nhà máy xử lý nước sạch: Lấy ở đường ống vào và ra ở mỗi nhà máy ở nơi đường ống gần nhà máy nhất. Ngoài ra có thể lấy trước và sau mỗi công đoạn xử lý nếu có yêu cầu.

- Lấy mẫu nước uống đóng chai: Lấy theo cách xác xuất ngẫu nhiên đại diện cho từng lô mẫu với lượng thể tích đủ làm.

- Kỹ thuật lấy mẫu: Để mẫu chảy từ từ vào chai, bình lấy mẫu cho đến khi đầy tràn, nếu lấy mẫu vi sinh thì không lấy đầy, sau đó đậy nắp lại tránh tạo bọt khí.

- Lưu ý khi lấy mẫu vi sinh, để nước chảy tự do khoảng 1- 2 phút sau đó mới hứng vào chai đựng mẫu.

2.2.5. Lượng mẫu: lấy khoảng 3-4 lít nước cho 01 mẫu

3. Bảo quản và vận chuyển và lưu mẫu

- Mẫu khi lấy xong cần được phải được bọc lót chèn bằng giấy mềm giữ ở nhiệt độ thấp và trong tối để tránh đổ vỡ khi vận chuyển.

- Mẫu nước lấy về tốt nhất là gửi đến ngay đến Trung tâm kiểm soát bệnh tật để kiểm nghiệm ngay, nếu không chuyển được ngay phải bảo quản lạnh trong vòng 24 giờ.